

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2014/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 14 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành, sử dụng và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2008/TTLT-BTTTT-BCA ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Công an về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 11/2011/TT-BTTTT ngày 26 tháng 5 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành Quy chuẩn quốc gia về viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 23/2011/TT-BTTTT ngày 11 tháng 8 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quản lý, vận hành, sử dụng và đảm bảo an toàn an ninh thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý, vận hành, sử dụng và đảm bảo an toàn an ninh trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Cường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Quản lý, vận hành, sử dụng và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin
trên mạng truyền số liệu chuyên dùng trong các cơ quan Đảng và Nhà nước
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 01 năm 2014 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc quản lý, vận hành, sử dụng và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng trong các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, vận hành, sử dụng và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

2. Các đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin của các cơ quan Đảng và Nhà nước khi tham gia kết nối, khai thác mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước (gọi tắt là mạng truyền số liệu chuyên dùng, viết tắt là mạng TSLCD) trên địa bàn tỉnh là mạng truyền dẫn tốc độ cao, sử dụng phương thức chuyển mạch nhãn đa giao thức trên nền giao thức liên mạng (còn gọi là IP/MPLS) sử dụng riêng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan Đảng, Nhà nước do Viễn thông Quảng Trị xây dựng, vận hành, là nhánh mạng TSLCD của Chính phủ.

2. Địa chỉ IP (Internet Protocol - giao thức Internet) là một địa chỉ đơn nhất mà những thiết bị điện tử sử dụng để nhận diện và liên lạc với nhau trên mạng máy tính bằng cách sử dụng giao thức Internet.

3. Chuyển mạch nhãn đa giao thức MPLS (Mutiprotocol Label Switching) là một phương thức được cải tiến cho việc chuyển tiếp các gói tin trong mạng bằng cách sử dụng các nhãn được gắn thêm vào trong các gói tin IP (IP packet).

4. Mạng riêng ảo VPN (Virtual Private Network) là một mạng dành riêng sử dụng hệ thống mạng công cộng (thường là Internet) để các đơn vị, cá nhân sử dụng từ

xa có thể kết nối với các máy tính trong hệ thống LAN của đơn vị cần kết nối nhằm sử dụng và khai thác các tài nguyên trên máy tính trong hệ thống LAN của đơn vị đó.

5. Hệ thống thông tin là sự kết hợp của phần cứng, phần mềm và Mạng TSLCD được xây dựng và sử dụng để thu thập, tạo, tái tạo, phân phối và chia sẻ các dữ liệu thông tin, tri thức nhằm phục vụ cho các mục tiêu hoạt động của các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

6. An toàn thông tin bao gồm các hoạt động quản lý, nghiệp vụ và kỹ thuật đối với hệ thống thông tin nhằm bảo vệ, khôi phục các hệ thống, các dịch vụ và nội dung thông tin đối với các nguy cơ chủ quan hoặc khách quan. Việc bảo vệ thông tin, tài sản và con người trong hệ thống thông tin nhằm bảo đảm cho các hệ thống thực hiện đúng chức năng, phục vụ đúng đối tượng một cách sẵn sàng, chính xác và tin cậy. An toàn thông tin bao hàm các nội dung bảo vệ và bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu, an toàn máy tính và an toàn mạng.

7. An ninh thông tin là đảm bảo thông tin trên hệ thống thông tin được bảo mật, sẵn sàng và toàn vẹn.

8. Đơn vị sử dụng Mạng chuyên dùng là các cơ quan thuộc hệ thống chính trị của tỉnh có điểm kết nối vào Mạng chuyên dùng.

Điều 4. Mục đích sử dụng mạng TSLCD

Mạng TSLCD là cơ sở hạ tầng kỹ thuật để triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin nhằm chuyển, nhận, xử lý, lưu trữ thông tin phục vụ công tác lãnh đạo, điều hành của các cơ quan Đảng và Nhà nước, đảm bảo an toàn bảo mật thông tin.

Chương II

QUẢN LÝ, KHAI THÁC, VẬN HÀNH VÀ SỬ DỤNG MẠNG TRUYỀN SỐ LIỆU CHUYÊN DÙNG

Điều 5. Nguyên tắc chung về quản lý, khai thác, vận hành và sử dụng mạng TSLCD

1. Quản lý, vận hành và sử dụng mạng TSLCD phải bảo đảm tăng cường năng lực quản lý và khai thác tài nguyên mạng máy tính của cơ quan Đảng và Nhà nước, phát huy tinh thần trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ và đảm bảo hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các đơn vị sử dụng mạng.

2. Mạng TSLCD được quản lý, vận hành và sử dụng tập trung, thống nhất; được kiểm tra, đánh giá định kỳ nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật và tính sẵn sàng cao trong quá trình vận hành và sử dụng.

3. Mạng TSLCD phải hoạt động liên tục, thông suốt (24 giờ trong một ngày và 7 ngày trong một tuần).

4. Việc khai thác, sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin phải tuân thủ theo các quy định về bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, giao dịch điện tử; về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được Nhà nước quy định và bảo đảm bí mật Nhà nước.

5. Các hành vi vi phạm gây ảnh hưởng đến an toàn mạng TSLCD và an ninh thông tin truyền tải trên mạng phải được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

6. Cước phí sử dụng mạng TSLCD phải thực hiện theo các quy định hiện hành; được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các đơn vị sử dụng mạng TSLCD tùy theo nhu cầu và mức độ sử dụng thực tế của từng cơ quan trên cơ sở tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 6. Danh mục dịch vụ cung cấp trên mạng TSLCD

Bao gồm danh mục dịch vụ cung cấp trên mạng TSLCD được quy định tại Điều 5, Thông tư số 23/2011/TT-BTTTT ngày 11 tháng 8 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

Điều 7. Các hành vi nghiêm cấm

1. Kết nối vật lý hoặc thực hiện truy cập không được phép vào mạng TSLCD.

2. Lợi dụng cơ sở hạ tầng mạng TSLCD vào các mục đích không thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được phân công; cung cấp, phát tán thông tin không được pháp luật cho phép; gây mất an toàn, an ninh thông tin. Sử dụng mạng TSLCD kích động chống phá Đảng, Nhà nước, tiết lộ bí mật Nhà nước, cung cấp thông tin trái với thuần phong mỹ tục.

3. Thay đổi kết nối, thông số thiết lập mạng của các thiết bị công nghệ thông tin không thuộc thẩm quyền, gây xung đột tài nguyên, ảnh hưởng đến việc vận hành hệ thống mạng TSLCD.

4. Tiết lộ sơ đồ tổ chức hệ thống mạng TSLCD cho các tổ chức, cá nhân không có thẩm quyền.

5. Tự ý xóa bỏ, tháo gỡ hoặc can thiệp vào mạng TSLCD đã được cài đặt trên các thiết bị mạng đã triển khai.

6. Không tổ chức quản lý, khai thác, vận hành sử dụng mạng TSLCD gây lãng phí. Tự ý cấp tài khoản, quyền truy cập cho những cá nhân, tổ chức không liên quan.

7. Không kịp thời tổ chức các biện pháp ứng cứu, khắc phục, sửa chữa; không phối hợp, hợp tác hoặc cản trở cơ quan chức năng trong thanh tra, kiểm tra, điều tra, xử lý vi phạm pháp luật về hoạt động của hệ thống mạng TSLCD.

8. Xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động công nghệ thông tin; có hành vi thu thập thông tin bất hợp pháp. Xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm, uy tín của công dân.

9. Tự ý đưa các thiết bị tin học ra ngoài phạm vi cơ quan, đơn vị hoặc cho người bên ngoài vào sử dụng, sửa chữa trong hệ thống mạng TSLCD.

Điều 8. Sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên mạng TSLCD

1. Thông tin thuộc danh mục bí mật Nhà nước được truyền tải trên mạng TSLCD phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước.

2. Việc sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên mạng TSLCD phải tuân thủ các quy định của Nhà nước về viễn thông, công nghệ thông tin và lưu trữ.

3. Thông tin được sử dụng, chia sẻ và lưu trữ trên mạng TSLCD phải là những thông tin phục vụ cho hoạt động quản lý điều hành và chuyên môn nghiệp vụ của đơn vị sử dụng mạng.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Là đơn vị được giao quản lý mạng TSLCD trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm tham mưu, triển khai chương trình, dự án trong hoạt động của các cơ quan Đảng và Nhà nước trên mạng TSLCD. Chỉ đạo Viễn thông Quảng Trị vận hành và duy trì mạng TSLCD trên địa bàn tỉnh theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Chỉ đạo việc kết nối các mạng viễn thông khác trên địa bàn tỉnh phục vụ các cơ quan Đảng và Nhà nước với mạng TSLCD theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị sử dụng mạng TSLCD trên địa bàn tỉnh khai thác hiệu quả các dịch vụ được cung cấp trên mạng TSLCD. Nắm bắt tình hình, các vướng mắc trong quá trình sử dụng của các đơn vị để đề xuất biện pháp giải quyết nhằm tạo điều kiện cho 100% cơ quan, đơn vị phải sử dụng mạng một cách phù hợp và hiệu quả.

4. Xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn, đào tạo các kiến thức về quản lý, khai thác, vận hành, sử dụng và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức phụ trách hoặc chuyên trách CNTT tại các đơn vị có kết nối vào mạng TSLCD.

5. Nghiên cứu, đề xuất nâng cấp, mở rộng, duy trì và phát triển mạng TSLCD.

6. Thành lập Nhóm ứng cứu sự cố máy tính (CSIRT) tại Sở Thông tin và Truyền thông để làm đầu mối liên hệ với Cơ quan điều phối ứng cứu sự cố máy tính của Bộ Thông tin và Truyền thông và liên kết với các CSIRT của các cơ quan, doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh nhằm hướng dẫn các đơn vị xây dựng các giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; ứng cứu kịp thời khi xảy ra các sự cố mất an toàn, an ninh thông tin trong hệ thống mạng TSLCD.

7. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện các quy định nhà nước về sử dụng mạng TSLCD cho các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

8. Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, an ninh thông tin.

9. Báo cáo định kỳ hàng năm, đột xuất cho UBND tỉnh và Bộ Thông tin và Truyền thông tình hình sử dụng mạng TSLCD trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

Điều 10. Trách nhiệm của Viễn thông Quảng Trị

1. Có trách nhiệm thực hiện và phối hợp với các đơn vị có liên quan:

a) Điều hành kết nối mạng đường trục với mạng truy cập các cấp từ cấp tỉnh đến cấp xã.

b) Quản lý, duy trì, vận hành, khai thác, khắc phục sự cố, bảo dưỡng các thiết bị thuộc hệ thống mạng TSLCD đảm bảo kết nối thông suốt, liên tục trong phạm vi toàn tỉnh.

c) Đảm bảo các yêu cầu về dung lượng, tốc độ, chất lượng dịch vụ mạng theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và an toàn, an ninh thông tin với đơn vị đăng ký sử dụng.

d) Triển khai các giải pháp và hệ thống thiết bị dự phòng để đảm bảo cơ sở hạ tầng mạng TSLCD hoạt động liên tục và an toàn.

e) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng cho các đơn vị sau khi triển khai lắp đặt mới vào mạng TSLCD.

2. Công bố các điểm đăng ký dịch vụ, hộp thư điện tử, địa chỉ, số điện thoại nóng để hỗ trợ kỹ thuật, khắc phục sự cố cho Sở Thông tin Truyền thông và các đơn vị sử dụng mạng TSLCD.

3. Chỉ được phép lắp đặt mới, mở rộng kết nối trên mạng TSLCD khi có sự đồng ý của Sở Thông tin và Truyền thông bằng văn bản.

4. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong công tác đảm bảo an toàn cơ sở hạ tầng, an toàn thông tin của hệ thống mạng TSLCD.

5. Xây dựng quy định chi tiết các nội dung hợp đồng mẫu và tiến hành thương thảo, ký kết hợp đồng với đơn vị được giao quản lý vận hành, sử dụng mạng TSLCD phục vụ công tác ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

6. Định kỳ 6 tháng/lần báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông (vào ngày 30 tháng 5 và 30 tháng 11 hàng năm) và báo cáo đột xuất bằng văn bản về tình hình hoạt động của mạng TSLCD khi có yêu cầu.

Điều 11. Trách nhiệm của đơn vị khi tham gia khai thác mạng TSLCD

1. Chịu trách nhiệm về nội dung, thông tin truyền đưa trên mạng TSLCD theo đúng quy định của pháp luật.

2. Quản lý, khai thác và bảo vệ các thiết bị chuyển mạch, thiết bị kết nối và các thiết bị của điểm kết nối đặt tại cơ quan mình đã được bàn giao.

3. Sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên mạng TSLCD theo đúng các quy định tại Điều 10 của Thông tư số 23/2011/TT-BTTTT ngày 11 tháng 8 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

4. Không thay đổi kết nối, thông số thiết lập mạng của các thiết bị liên quan đến mạng TSLCD không thuộc thẩm quyền, gây xung đột tài nguyên, ảnh hưởng đến việc vận hành hệ thống mạng TSLCD.

5. Chịu trách nhiệm các vấn đề liên quan đến an toàn mạng khi kết nối mạng TSLCD:

a) Chủ động phối hợp với Nhóm ứng cứu sự cố máy tính (CSIRT) tại Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng các giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hệ thống mạng TSLCD.

b) Quản lý bộ tập trung người dùng mạng riêng ảo của cơ quan được thiết lập (nếu có).

c) Quản lý các tên miền của đơn vị (nếu có).

d) Sở hữu và quản lý các chính sách kết nối Internet của riêng cơ quan thông qua mạng TSLCD.

đ) Quản trị và cài đặt địa chỉ IP (Internet Protocol) theo phân hoạch chung đã được cấp cho hệ thống mạng nội bộ.

e) Ghi lại các sự cố, lỗi xảy ra về kết nối mạng TSLCD, về an toàn, bảo mật thông tin; trường hợp có sự cố nghiêm trọng vượt quá khả năng khắc phục của đơn vị phải báo cáo với nơi đăng ký dịch vụ gần nhất của Viễn thông Quảng Trị để phối hợp khắc phục kịp thời, đồng thời phải báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông để có sự chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời trong trường hợp cần tổ chức ứng cứu thông tin.

6. Đăng ký sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số với Ban Cơ yếu Chính phủ để bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin trên mạng TSLCD.

7. Tuân thủ các quy định chính sách, pháp luật của Nhà nước về viễn thông, quản lý và cấp phép cung cấp thông tin, thiết lập trang thông tin điện tử Internet, chế độ bảo mật, an toàn, an ninh thông tin và quy định khác có liên quan.

8. Cử cán bộ, công chức, viên chức có chuyên môn về công nghệ thông tin hoặc bộ phận chuyên trách về công nghệ thông tin để quản trị, khai thác, vận hành hệ thống mạng TSLCD có hiệu quả. Hàng năm bố trí kinh phí hỗ trợ cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin được tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

9. Trong trường hợp có kế hoạch nâng cấp, bảo trì hệ thống mạng nội bộ có ảnh hưởng đến mạng TSLCD, cần thông báo cho điểm đăng ký dịch vụ gần nhất của Viễn thông Quảng Trị trước tối thiểu 5 ngày làm việc để đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể mạng TSLCD.

10. Khi bị sự cố xảy ra hoặc cần sửa chữa linh kiện, thiết bị liên quan đến kết nối mạng TSLCD, đơn vị phải thông báo trực tiếp cho Viễn thông Quảng Trị để phối hợp xử lý kịp thời.

11. Trả chi phí sử dụng theo văn bản hướng dẫn và khung giá quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông. Kinh phí này do các đơn vị lập dự toán và được bố trí từ nguồn ngân sách Nhà nước.

12. Báo cáo thống kê định kỳ hàng năm, đột xuất tình hình khai thác mạng TSLCD theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

Điều 12. Trách nhiệm của cá nhân sử dụng mạng TSLCD

1. Được khai thác các tài nguyên chia sẻ trên mạng để phục vụ cho công tác tại cơ quan, nhưng phải đảm bảo về chế độ bảo mật, an toàn, an ninh thông tin, đồng thời chịu trách nhiệm đối với các thông tin cung cấp trên mạng.

2. Tuân thủ những quy định cụ thể về truy nhập, khai thác, vận hành, quản lý sử dụng mạng TSLCD và các quy định khác có liên quan. Không được tiết lộ mật khẩu truy cập các ứng dụng trên mạng TSLCD cho cá nhân, đơn vị không có thẩm quyền.

3. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định chính sách, pháp luật của Nhà nước về viễn thông, công nghệ thông tin, quản lý và cấp phép cung cấp thông tin, thiết lập trang thông tin điện tử Internet, chế độ bảo mật, an toàn, an ninh thông tin và quy định khác có liên quan.

4. Khi có sự cố xảy ra, phải báo cáo kịp thời cho người có thẩm quyền của đơn vị để giải quyết.

Chương III

BẢO ĐẢM AN TOÀN, AN NINH MẠNG VÀ THÔNG TIN TRÊN MẠNG TRUYỀN SỐ LIỆU CHUYÊN DÙNG

Điều 13. Trách nhiệm của các đơn vị về đảm bảo an toàn, an ninh mạng và thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD)

1. Trang bị đầy đủ các kiến thức cơ bản về máy tính, mạng máy tính bảo mật thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức trước khi truy nhập và sử dụng hệ thống thông tin qua mạng TSLCD.

2. Có trách nhiệm phân bổ quyền lực đầu tư hợp lý để thiết lập hệ thống mạng nội bộ kết nối vào mạng TSLCD theo tiêu chuẩn quy định của Nhà nước do Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn nhằm bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị.

3. Đối với cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu, chuyển công tác hoặc chấm dứt hợp đồng thì cán bộ chuyên trách CNTT của đơn vị phải hủy bỏ quyền truy nhập vào hệ thống thông tin và thu hồi lại các tài liệu, hồ sơ, thông tin liên quan tới các tài khoản bị hủy bỏ nhằm tránh tình trạng truy cập trái phép vào hệ thống.

4. Tạo điều kiện cho cán bộ chuyên trách CNTT của đơn vị có điều kiện học tập, tiếp thu công nghệ, kiến thức an toàn bảo mật thông tin.

5. Tổ chức quản lý các tài khoản của hệ thống thông tin qua mạng TSLCD bao gồm: tạo mới, kích hoạt, sửa đổi, vô hiệu hóa và loại bỏ các tài khoản, đồng thời tổ chức kiểm tra các tài khoản của hệ thống thông tin ít nhất 01 lần/03 tháng.

6. Tổ chức quản lý tài khoản, phân quyền người sử dụng theo nhóm; quy định về quyền hạn người sử dụng, giới hạn về thời gian truy nhập hệ thống. Nếu liên tục đăng nhập sai vượt quá số lần quy định thì hệ thống tự động khóa tài khoản hoặc cô lập tài khoản với khoảng thời gian nhất định trước khi tiếp tục cho đăng nhập.

7. Hệ thống thông tin phải ghi nhận các sự kiện sau: quá trình đăng nhập, truy xuất, các thao tác cấu hình hệ thống. Đồng thời ghi nhận đầy đủ các thông tin trong các bản ghi nhật ký để xác định những sự kiện nào đã xảy ra, nguồn gốc và kết quả của sự kiện để có cơ chế bảo vệ và lưu giữ nhật ký trong một khoảng thời gian nhất định.

8. Phải thiết lập, tổ chức theo dõi, kiểm soát tất cả các phương pháp truy nhập từ xa, truy nhập mạng không dây, truy nhập có chức năng độc quyền, tổ chức sử dụng và mã hóa chứng thực để bảo vệ truy nhập tới hệ thống thông tin; ngăn chặn các sự cố gây ra do tấn công từ chối dịch vụ. Đồng thời tổ chức triển khai cơ chế tự động giám sát và điều khiển các truy nhập từ xa.

9. Đối với hệ thống thông tin cho phép truy nhập công cộng thì phải được bảo vệ bằng các trang thiết bị chuyên dụng hoặc sử dụng tổng hợp các biện pháp kỹ thuật và thiết lập hệ thống dự phòng.

10. Trong việc sử dụng mạng TSLCD, đơn vị phải quy định một số nội dung đảm bảo an toàn, an ninh thông tin như sau:

a) Mục tiêu và phương hướng thực hiện công tác đảm bảo an toàn, an ninh cho hệ thống thông tin.

b) Nguyên tắc phân loại và quản lý mức độ ưu tiên đối với tài nguyên của hệ thống thông tin (phần mềm, dữ liệu, trang thiết bị..).

c) Quản lý phân quyền và quy định trách nhiệm đối với từng cá nhân khi tham gia sử dụng hệ thống thông tin.

d) Quản lý và điều hành hệ thống máy chủ, thiết bị mạng, thiết bị bảo vệ mạng; việc lưu trữ, sao chép, truyền tải những tài liệu thuộc bí mật Nhà nước, sử dụng hộp thư điện tử, thiết bị tháo lắp (USB, thiết bị không dây, máy tính xách tay...).

đ) Nguyên tắc sử dụng an toàn và hiệu quả đối với tất cả cá nhân tham gia sử dụng hệ thống thông tin.

e) Báo cáo tổng hợp tình hình đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và bảo mật hệ thống thông tin theo định kỳ.

f) Nơi tiếp nhận thông tin, xử lý các sự cố hoặc nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin và bảo mật hệ thống thông tin.

g) Khi quy định về an toàn, an ninh thông tin cho đơn vị phải tham khảo các tiêu chuẩn kỹ thuật quản lý an toàn thông tin theo quy định hiện hành (Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7562:2005...) để có sự lựa chọn áp dụng phù hợp cho đơn vị mình.

11. Trách nhiệm của cán bộ chuyên trách CNTT về an toàn, an ninh thông tin, bảo mật trên mạng TSLCD:

a) Chịu trách nhiệm tham mưu và vận hành an toàn hệ thống thông tin của đơn vị.

b) Cập nhật cấu hình chuẩn cho các thành phần của hệ thống khi tiến hành cài đặt, thiết lập cấu hình tối ưu cho các thiết bị an toàn thông tin của hệ thống thông tin đạt hiệu quả nhất.

c) Thường xuyên sao lưu hệ thống thông tin và lưu trữ thông tin ở nơi an toàn. Đồng thời tổ chức kiểm tra thông tin sao lưu để bảo đảm tính sẵn sàng và toàn vẹn của thông tin.

d) Triển khai các biện pháp phòng, chống lây nhiễm virus máy tính, mã độc và thư rác trong hệ thống thông tin; Sử dụng thiết bị, phần mềm để phát hiện, ngăn chặn, tiêu diệt virus, mã độc, thư rác được truyền tải bởi: Internet, tập tin đính kèm từ thư điện tử, thiết bị lưu trữ di động nhằm khai thác lỗ hổng của hệ thống thông tin. Đồng thời, cập nhật thường xuyên các phần mềm diệt virus, chống mã độc và thư rác sao cho phù hợp với quy trình quản lý cấu hình hệ thống thông tin.

đ) Phòng tránh các rủi ro có thể xảy ra do truy nhập, sử dụng trái phép; làm thay đổi hoặc phá hủy hệ thống thông tin có liên quan đến hoạt động của đơn vị.

e) Tổng hợp báo cáo, đánh giá mức độ nghiêm trọng của các rủi ro có thể xảy ra và thực hiện các biện pháp phòng chống các rủi ro.

12. Trách nhiệm của đơn vị khi tham gia khai thác mạng TSLCD:

a) Tổ chức xây dựng quy chế nội bộ về việc bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thông tin của đơn vị mình quản lý và có cán bộ phụ trách quản lý an toàn thông tin.

b) Hàng năm lập kinh phí trong các dự án ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị để đầu tư thiết bị và triển khai các giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chỉ đạo, hướng dẫn Viễn thông Quảng Trị và các tổ chức cá nhân thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn mạng và thông tin trên mạng TSLCD.

2. Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh thanh tra, kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm quy định về an toàn, an ninh mạng và thông tin trên mạng TSLCD.

3. Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng kế hoạch, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong sử dụng mạng TSLCD. Tùy theo tính chất, quy mô do Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông hoặc Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập.

Điều 15. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Viễn thông Quảng Trị bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong việc sử dụng và khai thác mạng TSLCD; kiểm tra, xử lý vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về đảm bảo an ninh thông tin trong hoạt động của mạng TSLCD.

2. Chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Viễn thông các huyện, thị xã, thành phố bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng trong mạng TSLCD.

3. Các đơn vị chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia thuộc Công an tỉnh khi phát hiện các thông tin, tài liệu, dữ liệu, đồ vật thuộc mạng TSLCD liên quan đến hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 151/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan và cán bộ chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia, được tiến hành kịp thời các quy định sau đây:

a) Yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp các thông tin, dữ liệu, số liệu, tài liệu, đồ vật liên quan.

b) Thực hiện theo thẩm quyền các biện pháp thu giữ, sao chép thông tin, dữ liệu, số liệu, tài liệu, đồ vật, một phần hoặc toàn bộ hệ thống thiết bị liên quan.

c) Tiến hành các biện pháp kỹ thuật để kiểm soát, ngăn cản việc truy nhập bất hợp pháp vào hệ thống thiết bị, mạng lưới và sử dụng dịch vụ.

d) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

4. Kịp thời cung cấp, trao đổi với Sở Thông tin và Truyền thông, Viễn thông Quảng Trị và các đơn vị, cá nhân quản lý, sử dụng, khai thác mạng TSLCD về âm mưu, phương thức, thủ đoạn của các thế lực thù địch, đối tượng xấu lợi dụng mạng TSLCD để tiến hành các hoạt động xâm phạm an ninh trật tự.

5. Chủ trì điều tra, xử lý hình sự hoặc vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến an ninh trật tự trong hoạt động mạng TSLCD.

Điều 16. Trách nhiệm của Viễn thông Quảng Trị

1. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm mạng TSLCD đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin.

2. Triển khai các biện pháp bảo vệ vật lý mức độ cao nhất đối với các khu vực: quản trị, lưu trữ nội dung và lưu trữ văn phòng.

3. Triển khai các giải pháp, biện pháp cần thiết để ngăn chặn việc sử dụng, lợi dụng mạng lưới, thiết bị, các công cụ phần cứng, phần mềm để cản trở, gây nhiễu, gây rối loạn, làm hư hỏng, hủy hoại hoạt động của mạng TSLCD.

Chương IV

ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG, THAY ĐỔI

THÔNG TIN SỬ DỤNG VÀ CHI TRẢ CƯỚC PHÍ SỬ DỤNG

Điều 17. Tham gia vào mạng TSLCD

1. Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh về số lượng, danh sách các đơn vị được đầu tư mạng TSLCD theo từng thời kỳ.

2. Các đơn vị đã được đầu tư mạng TSLCD, khi có yêu cầu kết nối phải thông báo cho Viễn thông Quảng Trị để ký kết hợp đồng sử dụng, đồng thời có văn bản gửi về Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, quản lý.

Điều 18. Từ chối tham gia vào mạng TSLCD

1. Các đơn vị đã kết nối mạng TSLCD có yêu cầu từ chối kết nối phải thông báo cho Viễn thông Quảng Trị để thực hiện, đồng thời phải có văn bản gửi về Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Các đơn vị sau khi không tiếp tục kết nối vào mạng TSLCD phải tự thực hiện các biện pháp kỹ thuật, hành chính đảm bảo an toàn, an ninh và khai thác có hiệu quả hệ thống mạng thông tin nhằm phục vụ tốt cho việc ứng dụng CNTT tại đơn vị mình.

Điều 19. Ký kết hợp đồng sử dụng mạng TSLCD

1. Viễn thông Quảng Trị là đơn vị tại địa phương, đại diện cho Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam ký hợp đồng với các đơn vị sử dụng dịch vụ mạng TSLCD, chịu trách nhiệm đảm bảo vận hành và cung cấp dịch vụ theo hợp đồng.

2. Các đơn vị khi tham gia kết nối mạng TSLCD phải ký kết với Viễn thông Quảng Trị trong việc sử dụng mạng TSLCD và thông báo về Sở Thông tin và Truyền thông các thông tin được ký kết.

Điều 20. Thay đổi thông tin sử dụng vào mạng TSLCD

Các đơn vị khi có yêu cầu thay đổi thông tin sử dụng (như dung lượng, dịch vụ, cấu hình mạng địa chỉ...) cần thông báo về Viễn thông Quảng Trị tổ chức thực hiện. Đồng thời phải báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông về những thay đổi đã thực hiện.

Điều 21. Chi trả cước phí sử dụng

1. Kinh phí sử dụng mạng TSLCD phục vụ cho các cơ quan Đảng và Nhà nước thực hiện theo Thông tư số 06/2010/TT-BTTTT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành giá cước sử dụng mạng số liệu chuyên dùng phục vụ cơ quan Đảng và Nhà nước.

2. Kinh phí này do các đơn vị lập dự toán trình cơ quan Tài chính cùng cấp để bố trí từ nguồn ngân sách hàng năm trên cơ sở tiết kiệm, hiệu quả.

Chương V**TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 22. Trách nhiệm hướng dẫn, thi hành**

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này cho các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo Viễn thông Quảng Trị quản lý, vận hành và duy trì mạng TSLCD trên địa bàn tỉnh; trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Thông tin và Truyền thông kết quả thực hiện.

Thủ trưởng các đơn vị sử dụng mạng TSLCD trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm tổ chức triển khai, sử dụng, khai thác có hiệu quả và kiểm tra việc chấp hành tại đơn vị theo đúng nội dung quy định của Quy chế này.

Điều 23. Xử lý vi phạm

Các hành vi vi phạm gây ảnh hưởng đến an toàn mạng TSLCD và an toàn, an ninh thông tin truyền tải trên mạng TSLCD phải được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có những vấn đề khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị quản lý, vận hành, sử dụng mạng TSLCD và các cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Cường